

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ- ST

Ngày: 06- 8- 2019

V/v " ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Biên và bà Đinh Thị Tin

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương- Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Hương – kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 222/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 về việc " ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2019/QĐST- HNGĐ ngày 29-7-2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Đ, sinh năm 1969

Nơi cư trú: phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Bị đơn: Anh Đặng Văn P, sinh năm 1967

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Chị Đ có mặt, anh P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09-5-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Đinh Thị Đ trình bày: Chị và anh Đặng Văn P được tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 10 năm 2013, sau này có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 10-2-2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng hơn 1 năm thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống. Do vậy dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm cãi nhau, không còn hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi từ cuối năm 2014. Kể từ khi chị về nhà bố mẹ đẻ ở anh P cũng vài lần đến gặp chị nói chuyện để vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên chị không đồng ý. Vì chị nhận thấy hai bên không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được. Do vậy từ cuối năm 2014 đến nay anh chị sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ cả về tình cảm và kinh tế. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh P.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Đặng Thanh X sinh ngày 25-7-2014. Hiện nay cháu X đang ở cùng với chị. Nay vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu và tự nguyện không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị làm nghề lao động tự do thu nhập ổn định từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng và có nhà riêng tại phường M, thị xã Đ. Chị có đủ khả năng để chăm sóc giáo dục con chung sau khi ly hôn. Anh P cấp dưỡng cho con hay không thì tùy anh ấy chị không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đặng Văn P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh P xác định vợ chồng có đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian sống ly thân như chị Đ trình bày là đúng. Nay anh cũng nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc chị Đ xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Đặng Thanh X, sinh ngày 25-7-2014. Nay vợ chồng ly hôn anh đồng ý giao cháu X cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc của anh rất bận không thể có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án được anh đề nghị Tòa án xem xét không cần phải tiến hành hòa giải và giải quyết vụ án vắng mặt anh.

Tại phiên tòa chị Đinh Thị Đ vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại quá trình giải quyết vụ án và không đề nghị Tòa án giải quyết nội dung nào khác.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ

án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị Đ được ly hôn anh Đặng Văn P.

Về con chung: Giao con chung là Đặng Thanh X, sinh ngày 25-7-2014 cho chị Đinh Thị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Đông không yêu cầu anh Phúc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ và anh P không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Chị Đinh Thị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn là anh Đặng Văn P đã được triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt anh Phúc.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Đ và anh Đặng Văn P được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2014 đến nay, cắt đứt mọi quan hệ cả về tình cảm và kinh tế. Chị Đ và anh P cùng nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn đoàn tụ được. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị Đ và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị Đ, xử cho chị được ly hôn anh P là có căn cứ.

[3] Về con chung: Chị Đinh Thị Đ và anh Đặng Văn P cùng xác định vợ chồng có 01 con chung là Đặng Thanh X, sinh ngày 25-7-2014. Hai bên cùng có nguyện vọng giao cháu X cho chị Đ được tiếp tục nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng của các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên áp dụng Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung là Đặng Thanh X cho chị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Đ về việc không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung:Chị Đ và anh P không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Đinh Thị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị Đ được ly hôn anh Đặng Văn P.

2. Về con chung: Giao con chung là Đặng Thanh X, sinh ngày 25-7- 2014 cho chị Đinh Thị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị Đ tự nguyện không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đặng Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đinh Thị Đ phải nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0007731 ngày 20-6-2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn. Chị Đ đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kinh Môn;
- Đương sự;
- UBND xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nguyệt